

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
QUÝ IV NĂM 2011



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 – 25

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>4,520,399,735,740</b>	<b>3,405,698,146,837</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>577,907,063,157</b>	<b>328,609,725,942</b>
1. Tiền	111		87,576,583,892	71,609,725,942
2. Các khoản tương đương tiền	112		490,330,479,265	257,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1,034,208,193,804</b>	<b>687,274,457,578</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		1,075,781,735,441	724,936,030,040
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(41,573,541,637)	(37,661,572,462)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2,700,284,674,526</b>	<b>2,314,432,824,977</b>
1. Phải thu khách hàng	131		249,459,990,586	903,858,969,786
2. Trả trước cho người bán	132	6	533,148,764,884	461,914,430,606
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1,927,500,938,815	949,967,062,010
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9,825,019,759)	(1,307,637,425)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>66,273,303,922</b>	<b>9,897,401,377</b>
1. Hàng tồn kho	141		66,273,303,922	9,897,401,377
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>141,726,500,331</b>	<b>65,483,736,963</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,942,386,268	3,206,658,373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,294,532,469	40,023,432,910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		42,439,716,568	9,916,434,274
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		76,049,865,026	12,337,211,406
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260+269)	<b>200</b>		<b>4,301,426,621,187</b>	<b>4,093,161,842,435</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,792,730,051,213</b>	<b>1,844,995,461,968</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2,500,000,000	2,970,224,460
2. Phải thu dài hạn khác	218	9	1,790,230,051,213	1,842,025,237,508
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>871,093,445,856</b>	<b>586,929,400,286</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	649,015,738,262	25,025,277,767
- Nguyên giá	222		757,767,600,819	39,612,662,543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108,751,862,557)	(14,587,384,776)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3,797,442,998	2,383,906,832
- Nguyên giá	228		6,268,405,005	3,602,397,250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,470,962,007)	(1,218,490,418)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	218,280,264,596	559,520,215,687
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,284,241,723,722</b>	<b>1,253,925,944,990</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1,119,802,658,659	1,036,614,144,990
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	164,439,065,063	217,311,800,000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29,915,322,396</b>	<b>18,265,314,601</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	22,029,337,108	14,068,949,171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		7,885,985,288	4,196,365,430
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>15</b>	<b>323,446,078,000</b>	<b>389,045,720,590</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8,821,826,356,927</b>	<b>7,498,859,989,272</b>

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>4,845,340,310,636</b>	<b>3,742,231,291,871</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,631,694,345,400</b>	<b>2,704,198,724,326</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	227,835,666,213	402,393,851,431
2. Phải trả người bán	312		128,198,957,917	208,087,684,924
3. Người mua trả tiền trước	313		445,174,503,791	11,492,224,617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	11,539,262,925	99,643,421,049
5. Phải trả người lao động	315		4,610,644,403	4,190,422,245
6. Chi phí phải trả	316		155,573,129,616	30,780,906,281
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		157,887,271	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1,655,507,866,673	1,946,430,605,063
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,096,426,591	1,179,608,716
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,213,645,965,236</b>	<b>1,038,032,567,545</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	49,556,310,437	242,509,549,391
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	2,151,448,907,435	795,469,115,141
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11,997,592,275	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		643,155,089	53,903,013
<b>B. NGUỒN VỐN (400= 410)</b>	<b>400</b>		<b>3,375,057,037,383</b>	<b>3,256,504,402,171</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>3,375,057,037,383</b>	<b>3,256,504,402,171</b>
1. Vốn điều lệ	411		3,000,000,000,000	2,500,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	425,600,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,286,825,482	1,286,825,482
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10,000)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		53,372,312,202	1,997,528,232
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26,959,114,334	1,231,292,038
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6,805,156,483	428,941,827
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		286,633,638,882	325,959,814,592
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>601,429,008,909</b>	<b>500,124,295,230</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400+439)	<b>440</b>		<b>8,821,826,356,927</b>	<b>7,498,859,989,272</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Quý IV năm 2011*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	477,431,814,333	457,916,731,158	1,383,256,351,689	1,571,792,503,377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	34,495,961		927,941,410	3,780,391,136
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		477,397,318,372	457,916,731,158	1,382,328,410,279	1,568,012,112,241
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	425,449,943,442	380,076,894,552	1,145,015,989,012	1,156,232,111,729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51,947,374,931	77,839,836,606	237,312,421,268	411,780,000,512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15,564,219,600	169,815,633,655	281,911,281,693	382,814,767,180
7. Chi phí tài chính	22	27	79,686,151,023	35,299,623,200	189,526,536,767	110,915,559,266
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77,161,042,111	28,396,785,477	195,168,949,796	110,837,590,038
8. Chi phí bán hàng	24		11,011,731,570	6,880,851,196	42,385,737,341	17,203,548,419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35,990,490,134	26,957,557,821	146,584,032,726	84,981,566,909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(59,176,778,196)	178,517,438,044	140,727,396,127	581,494,093,098
11. Thu nhập khác	31		41,700,517,726	6,988,314,878	41,873,595,511	307,093,512,478
12. Chi phí khác	32		21,587,661,305	7,424,188,391	23,724,568,926	180,319,477,924
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		20,112,856,421	(435,873,513)	18,149,026,585	126,774,034,554
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45	14	22,931,669,997	24,226,014,835	97,977,935,387	77,120,670,465
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(16,132,251,778)	202,307,579,366	256,854,358,099	785,388,798,117
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(2,054,527,202)	57,739,354,967	45,174,311,309	189,687,072,665
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		5,976,220,685	(3,989,677,566)	12,031,250,466	-
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(20,053,945,261)	148,557,901,965	199,648,796,324	595,701,725,452
Trong đó:						
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(1,690,524,770)	(6,121,511,500)	16,893,866,098	10,004,883,265
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		(18,363,420,491)	154,679,413,465	182,754,930,226	585,696,842,187
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(73)	619	731	2,558

Kế toán



Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuyền



Vũ Hồng Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý IV năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	256,854,358,099	785,388,798,117
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	34,406,169,623	7,725,779,258
Các khoản dự phòng	03	84,747,352,100	31,287,658,787
Lợi thế thương mại phân bổ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	108,772,927,384 (281,911,281,693)	46,255,461,444 (459,811,031,697)
Chi phí lãi vay	06	195,168,949,796	110,837,590,038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	398,038,475,309	521,684,255,947
(Tăng) các khoản phải thu	09	(385,851,849,549)	(778,125,261,662)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(56,375,902,545)	(6,701,468,101)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	480,922,815,535	595,260,485,179
(Tăng) chi phí trả trước và chi phí khác	12	(87,892,771,163)	(5,687,041,472)
Tiền lãi vay đã trả	13	(99,079,579,935)	(110,837,590,038)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	142,759,540,784	343,406,991,099
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(247,427,462,016)	(1,247,283,398,232)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>145,093,266,420</b>	<b>(688,283,027,280)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(379,580,994,940)	(220,534,763,783)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(985,099,259,780)	(852,009,047,786)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104,667,921,232	754,981,829,646
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(222,518,090,025)	(500,607,245,994)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	107,400,000,000	6,641,810,188
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169,758,363,509	350,551,017,180
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(1,205,372,060,004)</b>	<b>(460,976,400,549)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	957,600,000,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,037,052,002,721	903,019,748,880
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(477,525,871,922)	(454,064,888,583)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(249,950,000,000)	(40,746,410,959)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>1,309,576,130,799</b>	<b>1,365,808,449,338</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>249,297,337,215</b>	<b>216,549,021,509</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	328,609,725,942	112,060,704,433
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	577,907,063,157	328,609,725,942

Nguyễn Thanh Nhân  
Kế toán

Hoàng Văn Tuyên  
Kế toán trưởng

Vũ Hồng Sơn  
Phó Chủ tịch HĐQT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 11 số 0102278484 ngày 15 tháng 12 năm 2011 bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.288 (tại ngày 31/12/2010: 607).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng, các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp, công trình dân dụng;
- Giới thiệu xúc tiến thương mại;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;
- Quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Buôn bán lương thực, thực phẩm, đồ hộp, nước tinh khiết, nước giải khát, dầu ăn các loại;
- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Thiết kế kiến trúc công trình.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2009, Công ty thực hiện đầu tư và nắm cổ phần chi phối trong Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương từ ngày 01 tháng 01 năm 2009; Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 và đã hợp nhất các báo cáo tài chính của các công ty con này trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm 2009. Công ty sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của các công ty con này tại ngày mua và so sánh với giá mua để xác định lợi thế thương mại thay vì sử dụng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)**

Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị của các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 2009 bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại các công ty con để xem xét giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do tính chất phức tạp của việc phân bổ phần phụ trội mua cổ phần công ty con nên Công ty không thể thực hiện phân bổ vào tài sản, công nợ, công nợ tiềm tàng và tính toán lại giá trị lợi thế thương mại. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc không phân bổ này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như cho kỳ hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

1846  
i TY  
HÀN  
ĐOÀN  
DƯỠ  
1 - J

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2011</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08
Tài sản cố định khác	3 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí quảng cáo, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu bán hàng*

Đối với Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện huy động vốn từ các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã góp vốn tham gia đầu tư. Tại ngày lập báo cáo này, các hợp đồng này vẫn đang được thực hiện và đã chuyển sang hình thức hợp đồng mua bán bất động sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ góp vốn của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

*Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

32278  
ÔNG  
CỔ PH  
TẬP Đ  
ĐẠI D  
ĐÌNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34  
Y  
N  
AN  
Đ  
TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền	87,576,583,892	71,609,725,942
Các khoản tương đương tiền (*)	490,330,479,265	257,000,000,000
	<b>577,907,063,157</b>	<b>328,609,725,942</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư chứng khoán	286,780,427,575	124,936,030,040
Đầu tư ngắn hạn khác	789,001,307,866	600,000,000,000
+ <i>Hợp đồng mua bán có kỳ hạn (Repo)</i>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	6,300,000,000	200,000,000,000
- Ủy thác quản lý vốn	-	350,000,000,000
- Cho vay ngắn hạn	157,314,225,000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác:	625,387,082,866	50,000,000,000
<i>Công ty TNHH VNT</i>	293,500,000,000	-
<i>DNTN Hà Bảo</i>	99,000,000,000	-
<i>CP Công ty Thủy Sản Hùng Vương</i>	6,560,000,000	-
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An</i>	146,327,082,866	-
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt</i>	80,000,000,000	50,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(41,573,541,637)	(37,661,572,462)
	<b>1,034,208,193,804</b>	<b>687,274,457,578</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	196,789,904,295	189,205,218,139
Công ty TNHH VNT	67,959,163,830	50,362,539,941
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	227,449,697,728	58,016,346,199
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	-	72,000,000,000
Bà Hoàng Thị Nga	-	68,016,000,000
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Hưng Phát	-	-
Các đối tượng khác	40,949,999,031	24,314,326,327
	<b>533,148,764,884</b>	<b>461,914,430,606</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Bảo Linh	563,722,758,335	-
Công ty TNHH MTV Hoa Hường Dương	-	160,271,222,222
DN Tư Nhân Hà Bảo	4,785,000,000	0
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	34,088,952,165	29,012,163,889
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	21,055,416,668	21,008,808,333
Trịnh Tuấn Dương	7,515,000,000	0
Nguyễn Thị Xuyên	6,737,500,000	0
Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	8,890,500,000	0
Phải thu khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	220,290,706,211	46,160,860,000
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	145,182,000,000	-
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	131,225,000,000	-
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	60,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	11,863,750,000	27,863,750,000
Ngân hàng TMCP Đệ nhất	10,000,000,000	10,000,000,000
Ông Trịnh Bảo Trung	10,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	367,136,894,634	353,520,000,000
Hà Trọng Nam	26,305,555,555	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	227,631,200,000	129,000,000,000
Ông Hà Văn Thẩm	-	127,500,000,000
Công ty TNHH VNT	14,500,000,000	0
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	15,179,999,998
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	-	13,894,929,130
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2,069,505,557	11,755,555,557
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	-	0
Phải thu khác	54,501,199,690	4,799,772,881
	<b>1,927,500,938,815</b>	<b>949,967,062,010</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	22,164,523,259	3,082,222,429
Công cụ, dụng cụ	2,478,873,093	399,648,543
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40,980,990,155	6,284,508,144
Hàng hoá	648,917,415	131,022,261
	<b>66,273,303,922</b>	<b>9,897,401,377</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi ra để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vinaconex)	573,093,675,966	572,804,481,484
Công ty Cổ phần Masan	-	230,000,000,000
Ông Hà Trọng Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD	85,100,000,000	85,100,000,000
Công ty TNHH Togi Việt Nam	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	160,732,000,000	21,700,000,000
Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển - T&T Express	68,007,134,468	67,568,523,942
Công ty TNHH 5G Studio_Collaborative	1,160,336,842	1,160,336,842
Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh	148,226,211,840	73,306,275,840
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	66,000,000,000	66,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	86,488,444,173	86,488,444,173
Công ty Cổ phần Licogi 19	57,000,000,000	57,397,175,227
Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	-	57,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	22,500,000,000	22,500,000,000
Bộ Tư Lệnh Bộ Đội Biên Phòng	20,000,000,000	-
Công ty TNHH Minh Giang	922,247,924	-
	-	-
	<b>1,790,230,051,213</b>	<b>1,842,025,237,508</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	-	32,332,081,977	5,551,698,061	859,375,854	869,506,651	39,612,662,543
Mua trong kỳ	-	135,349,757,081	2,412,089,313	1,871,038,465	880,404,650	140,513,289,509
Tăng từ XD Cơ Bản	247,137,550,932	1,628,500,143	620,102,524	-	1,309,238,256	250,695,391,855
Tăng từ Hợp nhất K.D	225,301,140,221	61,766,340,913	6,751,688,630	235,611,140	2,138,707,690	296,193,488,594
Thanh lý, nhượng bán	(60,824,245,371)	(38,216,254,003)	(4,844,576,076)	(1,249,256,499)	(41,600,000)	(105,175,931,949)
Phân loại lại	134,219,189,651	366,493,329	839,254,706	180,930,548	322,832,033	135,928,700,267
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>545,833,635,433</b>	<b>193,226,919,440</b>	<b>11,330,257,158</b>	<b>1,897,699,508</b>	<b>5,479,089,280</b>	<b>757,767,600,819</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	-	12,265,992,651	1,731,940,456	342,666,603	246,785,066	14,587,384,776
Đánh giá tăng giá trị TS	5,700,037,054	2,559,396,391	794,437,210	47,213,703	194,858,512	9,295,942,870
Khấu hao trong năm	5,417,443,335	26,707,978,992	969,626,556	496,587,984	814,532,756	34,406,169,623
Tăng từ Hợp nhất K.D	27,541,735,891	19,446,633,439	2,427,494,766	160,304,804	1,097,123,474	50,673,292,374
Thanh lý, nhượng bán	(136,982,468)	317,761,691	(247,227,273)	(144,479,036)	-	(210,927,086)
Phân loại lại	(3,355,451,944)	3,289,658,129	65,793,815	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>35,166,781,868</b>	<b>64,587,421,293</b>	<b>5,742,065,530</b>	<b>902,294,058</b>	<b>2,353,299,808</b>	<b>108,751,862,557</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011	510,666,853,565	128,639,498,147	5,588,191,628	995,405,450	3,125,789,472	649,015,738,262
Tại ngày 31/12/2010	-	20,066,089,326	3,819,757,605	516,709,251	622,721,585	25,025,277,767

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	559,520,215,687	361,776,119,945
Tăng trong kỳ	181,864,724,777	247,003,713,571
Kết chuyển sang tài sản cố định	(306,250,555,641)	(840,186,677)
Kết chuyển sang giá vốn công trình	(430,612,800)	(47,259,094,310)
Giảm khác (*)	(216,423,507,427)	(1,160,336,842)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>218,280,264,596</b>	<b>559,520,215,687</b>

(\*) Giảm khác trong năm 2011 là khoản xây dựng cơ bản Khu Công nghiệp Minh Đức của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT (công ty con trong năm 2010 của Công ty) đã chuyển nhượng cổ phần trong kỳ và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP du lịch dầu khí Phương Đông	59,506,755,532	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1,060,295,903,127	1,036,614,144,990
	<b>1,119,802,658,659</b>	<b>1,036,614,144,990</b>

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia	77,361,845,200	182,970,000,000
Công ty CP Đầu Tư THT Việt Nam	3,000,050,000	-
Công ty CP Truyền thông TVSHOPPING	11,250,000,000	-
Công ty TNHH một thành viên Sao Hôm Nha Trang	16,150,000,000	15,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	43,335,369,863	6,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Phát triển Sản phẩm mới Công nghệ mới	3,341,800,000	3,341,800,000
	<b>164,439,065,063</b>	<b>217,311,800,000</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14,068,949,171	9,617,283,970
Tăng	163,318,062,293	18,562,623,433
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(155,357,674,356)	(14,110,958,232)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>22,029,337,108</b>	<b>14,068,949,171</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	389,045,720,590	427,822,929,366
Tăng trong kỳ	51,831,133,697	8,886,787,222
Phân bổ trong kỳ	(108,772,927,384)	(46,255,461,444)
Giảm khác	(8,657,848,903)	(1,408,534,554)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>323,446,078,000</b>	<b>389,045,720,590</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>219,670,066,213</b>	<b>402,393,851,431</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	152,670,066,213	91,478,740,000
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	67,000,000,000	-
Công ty TNHH VNT	-	277,915,111,431
Công ty Cổ phần Đại An	-	33,000,000,000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8,165,600,000</b>	<b>-</b>
	<b>227,835,666,213</b>	<b>402,393,851,431</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4,261,598,435	902,238,506
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,556,610,101	97,794,957,470
Thuế thu nhập cá nhân	1,405,389,448	857,840,007
Các loại thuế khác	315,664,941	88,385,066
	<b>11,539,262,925</b>	<b>99,643,421,049</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	201,100,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	616,380,111,111
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	341,029,166,667
Công ty CP Hoàng Phát Visai	140,662,500,000	-
Phải trả, phải nộp khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	15,350,384,681	46,160,910,000
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	1,329,896,053,961	21,119,964,322
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	91,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	45,400,000,000	-
Cổ tức phải trả	-	250,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Sông Đà	-	176,679,166,665
Công ty Cổ phần Bảo Linh (1)	-	40,941,397,322
Công ty cổ phần Bảo Linh (2)	-	87,745,000,000
Hồ Vinh Hoàng	-	36,600,000,000
Nguyễn Thị Lan Hương	-	10,890,000,000
Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	-	26,117,187,500
Công ty TNHH VNT	-	10,000,000,000
Công ty cổ phần Viptour Togi	6,633,600,000	22,063,476,809
Lãi vay phải trả	-	22,899,862,974
Phải trả, phải nộp khác	6,065,328,031	36,704,361,693
	<b>1,655,507,866,673</b>	<b>1,946,430,605,063</b>

**19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	-	220,000,000,000
Nhận góp vốn, đặt cọc từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án bất động sản	37,333,738,861	22,509,549,391
Phải trả dài hạn khác	12,222,571,576	-
	<b>49,556,310,437</b>	<b>242,509,549,391</b>

(\*) Phản ánh khoản tiền Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (công ty liên kết của Công ty) ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (công ty con của Công ty) để mua một phần dự án “Đầu tư xây dựng khai thác Khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Nam Trần Duy Hưng”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	500.000.000,000	584.287.035,896
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (a)	500.000.000,000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh (b)	200.000.000,000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	420.206.907,435	211.182.079,245
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	31.242.000,000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	500.000.000,000	-
	<b>2,151,448,907,435</b>	<b>795,469,115,141</b>

- (a) Công ty phát hành trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 2804 ngày 28 tháng 4 năm 2011. Khối lượng trái phiếu phát hành là 500, mệnh giá phát hành là 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 03 năm, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 12%/ năm, lãi suất cho các năm tiếp theo không ít hơn 10%/ năm và ít nhất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước vào ngày thanh toán lãi, lãi được trả vào ngày 28 tháng 4 hàng năm. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn kinh doanh thực hiện dự án Star City Center của Công ty. Kèm theo mỗi trái phiếu phát hành là 4.546 chứng quyền có quyền mua cổ phiếu phổ thông của Công ty. Mỗi chứng quyền cho phép người sở hữu có quyền mua 10 cổ phiếu phổ thông theo giá 220.000 đồng/chứng quyền. Chứng quyền có thời hạn 3 năm và có thể chuyển đổi sang cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn trái phiếu.
- (b) Công ty phát hành trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần HD Bank theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 0106 ngày 30 tháng 6 năm 2011. Khối lượng trái phiếu phát hành là 200, mệnh giá phát hành là 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 03 năm, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 12%/ năm, lãi suất cho các năm tiếp theo không ít hơn 10%/ năm và ít nhất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước vào ngày thanh toán lãi, lãi được trả vào ngày 28 tháng 4 hàng năm. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn kinh doanh thực hiện dự án Star City Center của Công ty. Kèm theo mỗi trái phiếu phát hành là 4.546 chứng quyền có quyền mua cổ phiếu phổ thông của Công ty. Mỗi chứng quyền cho phép người sở hữu có quyền mua 10 cổ phiếu phổ thông theo giá 220.000 đồng/chứng quyền. Chứng quyền có thời hạn 3 năm và có thể chuyển đổi sang cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2011 đến 30/09/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuộc chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>1,968,000,000,000</b>	-	-	-	<b>29,600,750</b>	<b>31,327,750</b>	<b>96,000,000</b>	<b>60,766,346,946</b>	<b>2,028,923,275,446</b>
Tăng vốn	532,000,000,000	425,600,000,000	-	-	-	-	-	-	957,600,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	585,696,842,187	585,696,842,187
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	(40,746,410,959)	(40,746,410,959)
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	(250,000,000,000)	(250,000,000,000)
Trích lập quỹ	-	-	-	1,286,825,482	-	-	428,941,827	(2,144,709,136)	(428,941,827)
Tăng khác	-	-	-	-	1,967,927,482	1,199,964,288	-	(4,811,978,459)	(1,644,086,689)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(96,000,000)	(22,800,275,987)	(22,896,275,987)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>2,500,000,000,000</b>	<b>425,600,000,000</b>	-	<b>1,286,825,482</b>	<b>1,997,528,232</b>	<b>1,231,292,038</b>	<b>428,941,827</b>	<b>325,959,814,592</b>	<b>3,256,504,402,171</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	182,754,930,226	182,754,930,226
Trích lập quỹ	500,000,000,000	(425,600,000,000)	(10,000)	-	51,374,783,970	25,727,822,296	2,000,000,000	(153,963,601,208)	(461,004,942)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-	4,376,214,656	(68,117,504,729)	(63,741,290,073)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3,000,000,000,000</b>	<b>0</b>	<b>(10,000)</b>	<b>1,286,825,482</b>	<b>53,372,312,202</b>	<b>26,959,114,334</b>	<b>6,805,156,483</b>	<b>286,633,638,882</b>	<b>3,375,057,037,383</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b. Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102278484 thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty có vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

**c. Các Quỹ**

Theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty, Công ty đã trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty.

**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2010, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2010 là 10% trên vốn điều lệ. Số cổ tức này đã được trích trước trong năm 2010 theo Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐQT ngày 6/12/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2010. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thanh toán khoản cổ tức này với số tiền là 249.950.000.000 đồng cho các cổ đông, số tiền còn lại chưa thanh toán hết là 50.000.000 đồng đang được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

**e. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	299,999,999	250,000,000
Cổ phiếu quỹ	1	
<b>Tổng số cổ phiếu phát hành</b>	<b>300,000,000</b>	<b>250,000,000</b>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

0227  
ÔNG  
CỔ P  
TẬP  
ĐẠI  
BA Đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. DOANH THU**

	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>477,431,814,333</b>	<b>457,916,731,158</b>
Doanh thu bán hàng	49,240,373,080	164,843,825,897
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63,152,429,854	39,180,679,699
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (a)	48,252,777,809	156,918,801,421
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản (b)	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	180,626,311,804	61,874,063,498
Doanh thu kinh doanh khách sạn	88,944,545,969	-
Doanh thu hoạt động chứng khoán	47,215,375,817	35,099,360,643
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>34,495,961</b>	<b>-</b>
Hàng bán bị trả lại	34,495,961	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>477,397,318,372</b>	<b>457,916,731,158</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	48,967,623,617	154,284,931,008
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54,372,047,250	15,688,226,235
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	27,575,936,723	83,569,426,665
Giá vốn chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	167,598,802,267	57,414,688,154
Giá vốn kinh doanh khách sạn	75,132,533,362	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán	51,803,000,223	69,119,622,490
	<b>425,449,943,442</b>	<b>380,076,894,552</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác đầu tư	9,093,759,600	68,908,638,475
Lãi đầu tư cổ phiếu	5,880,000,000	89,992,544,600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	590,460,000	-
Doanh thu tài chính khác	-	10,914,450,580
	<b>15,564,219,600</b>	<b>169,815,633,655</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lãi tiền vay	77,161,042,111	28,396,785,477
Chi phí tài chính khác	2,525,108,912	6,902,837,723
	<b>79,686,151,023</b>	<b>35,299,623,200</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	(18,363,420,491)	154,679,413,465
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	250,000,000	250,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(73)</b>	<b>619</b>

**27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo hợp đồng hợp tác ba bên giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Công ty TNHH VNT và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và/hoặc Công ty TNHH VNT (hoặc một bên do hai bên chỉ định) sẽ mua lại 7.000.000 cổ phần của Vinaconex trong Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long.

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thực hiện dự án “Xây dựng nhà chung cư” tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông. Tổng số vốn góp sẽ tương đương 48,15% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 64.953.500.000 đồng.

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định để Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định thực hiện dự án “Trung tâm thiết kế thời trang và cao ốc văn phòng cho thuê” tại số 106, đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Giày da May mặc Xuất khẩu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Tổng số vốn góp là 600 tỷ đồng, tương đương 75% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 22.500.000.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 22.500.000.000 đồng).

Theo thỏa thuận đặt cọc mua khu thương mại thuộc dự án SSG Tower của Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 38.420.480 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thanh toán được 7.684.096 USD, tương đương 148.226.211.840 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 3.842.048 USD tương đương 73.306.275.840 đồng).

Công ty cam kết góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Star City Lê Văn Lương” tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 43.802.400 USD. Số tiền

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 361.487.752.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 321.487.752.000 đồng).

Cam kết góp vốn cho Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án “Công trình hỗn hợp Nhà ở, Rạp chiếu phim, Văn phòng và Chung cư” tại 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 356.692.500.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 321.023.250.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 161.172.360.000 đồng).

Công ty cam kết sẽ hợp tác đầu tư cùng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam và các bên có liên quan thành lập một công ty cổ phần để thực hiện dự án “Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2” tại thành phố Hồ Chí Minh, sau khi Vinaconex được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Dự án này. Phần vốn dự kiến của Công ty trong công ty mới thành lập này là 20%. Số tiền đã chuyển cho Vinaconex đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.093.675.966 đồng để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án.